

**LUẬN THÍCH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-
ĐA
VIÊN TẬP YẾU NGHĨA**

QUYỂN 4

Lại nữa, trong đó, đức Thế Tôn còn chỉ bày chánh lý. Như Tụng kia nói:

*Như lý nói tánh tịnh,
Cũng vậy, chẳng thể được
Tánh, không tánh trái nhau,
Các thứ tánh định thấy.*

Đây nói “Như lý” v.v... là tùy theo các phân biệt nhiễm ô, dùng trí để đối trị các thứ tán loạn. Thế nên, Như lý nói, tức là đức Thế Tôn chính thức nói pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này.

Tụng nói: “Tánh tịnh”, tức là tự tánh đúng như lý, nó thanh tịnh sáng suốt, mà có khả năng đối trị với những cái không trong sạch và các thứ phân biệt tán loạn.

Tụng nói: “Cũng vậy”, tức các nghĩa tụ tập nhóm họp. Đó là một tánh hay nhiều tánh, có tụ tập nhóm họp thì suy lường đều chẳng thể được. Nói như lý tức nghĩa Như lượng (suy lường như lý). Thế nó là trí không hai, quyết định được dùng để đối trị.

- Hỏi: Đây là suy lường gì mà chẳng thể nắm bắt được? Đáp: Đây là nói đến “tỷ lượng” chẳng thể được, cho nên, mọi tự thọ nhận hiện có, không phải chỗ tăng thêm của tướng khác. Như tự nhận các niềm vui v.v... Nếu dùng ngôn luận nêu đặt ra, thì tự tánh có được sẽ trái nghịch với trí như thật. Vì tướng khác có làm tăng thêm sự thọ nhận của chính mình thì không thành lượng đối trị. Trong đây không phải là một tánh, nhiều tánh khác nhau của tướng được biết như xanh, vàng v.v... mà có phân biệt. Thế nên quyết định phải quán sát mọi thành tựu thọ nhận của chính mình đã hiện hành tình cảm sâu, thương không phải là từ ngoài cửa, mà tánh chiếu hiện ra, không bị tướng khác mà có tăng thêm động

loạn. Vì sao thế? Vì đối với Thắng nghĩa đế thì hết thấy các tướng xanh, vàng v.v... đều là tánh không thật. Chỉ có trí như thật mới hiểu biết được đây là không có lỗi lầm. Nếu đối với các việc bên ngoài người ấy đã thọ nhận rồi, đem nghĩa đó nêu đặt ra thì không đúng lý. Vậy là có lỗi mà không thành tự thuộc về thấy quyết định. Vì sao thế? Vì các sự vui buồn v.v... nhận được từ bên ngoài vào nó không có bản tánh, cũng chẳng phải có chỗ nào khác, có thể theo dõi để tìm biết tự tánh đó. Nhận lấy những niềm vui ở đây là nhận lấy tự tánh của niềm vui ấy, chứ chẳng phải là nhận tướng của chúng. Những điều nói ở đây là lia trí tuệ bỏ hai tướng năng thủ (chủ thể chấp giữ) và sở thủ (đối tượng được chấp giữ), chứ chẳng phải riêng có thọ nhận khác.

Hỏi: Nếu nay chẳng có năng thủ, sở thủ để nhận thức thì làm sao sau này, lại có được tánh của Thức ấy?

Đáp: Ở đây, chỉ là lia bỏ tướng của năng thủ, sở thủ, còn cái tướng của thức sau này, tuy có nhưng chẳng phải ngữ ngôn, biểu thị, cái tánh của tướng có kia là chân thật, biểu thị như lý mà hòa hợp. Thế nên ở đây nói: Tất cả thức ấy như trí tỷ lượng mà không phải trong đây hòa hợp được thành. Vì sao dùng tướng của không hai, chẳng phải tướng có hai lãnh nhận đã hiện hành? Nếu có hai tướng thì sự suy lường đó chẳng thành, vì hai tướng ấy bị “đối ngại”. Cũng như việc cho là rùa có lông, hổ có sừng, há chẳng phải là lỗi lầm ư? Vì sao chẳng phải với một tiếng “chủ thể” nói là có tướng trí? Vì nó quyết định là không có tánh. Tuy nhiên, do Thức có đối ngại, đối với tướng của các sắc xanh, vàng v.v... từ ngoài đến, có có tánh đảm nhận công việc quán sát các một tướng, nhiều tướng kia, chứ không phải là tâm chơn thật, cũng chẳng phải là Thức lia Thắng nghĩa đế mà có cái nắm giữ! Các niềm vui buồn ấy, là vô tánh mà lại chấp giữ vào tướng trí, thể tánh đã có và cho đấy là năng thủ, đấy là sở thủ. Do vậy, nói điều đó là không có tướng của năng thủ. Vì thể và nghiệp hỗ tương nhau để quyết định tánh của cái vui, nên chẳng phải là tướng của trí. Ngay trong tự thọ mà nói là năng thủ, thì cũng không có tướng của trí để có thể quyết định giữ lấy niềm vui đúng lý. Như thế, tánh như chỗ sanh, tướng của trí ấy là từ trong tự thọ chính thức an lập như vậy.

Như những gì đã nói, là phải lia tánh nơi năng thủ, sở thủ. Ở đây nói không hai tức là tướng của trí, mọi tự thọ là hiện lượng thành tự, chẳng phải tất cả chơn thật hiển thị hòa hợp. Nếu lại chấp quyết định tánh không có phần vị kia thì tức là trong tướng trí không hai có chỗ loạn động, các chủng tử sẽ tùy theo đó mà sinh, chứ không tùy theo

tướng của trí, vì không hai đối hiện nơi sanh. Còn nếu chấp quyết định tướng không hai, thì ở trong ấy, lại trở thành chấp trước phân biệt, chẳng phải là trí tướng ấy cùng ở trong pháp mà được thành tựu. Thế nên, hết thấy nghĩa có được ở đây đều thành chệch lạc. Nên biết, tánh Thế tục và Thắng nghĩa, quyết định là nghĩa “Không có gì” như thế. Trong đây để làm sáng tỏ nghĩa đó, như Phật đã nói: Trí tức là Minh (sáng suốt), còn thế tục tức là Vô minh, đen tối. Nếu xét trên bình diện biết như thật, thì trí minh hay trí vô minh, mọi khác nhau về chủng loại cũng không hề có gì sinh. Thế nên, các trí đều là như thật, không có tướng điên đảo. Tức tướng của trí sáng dùng để đối trị, nhất định phải biết. Nếu trong Thắng nghĩa để đó, nhất định không có tự tánh, thì như mây bay nơi hư không, chẳng phải là đối trị, vì nó có được sự đối trị như lý, thì mọi vận hành chân thật sẽ được tương ứng.

Ví như tự tánh nóng thì dùng vật lạnh đối trị, đây chẳng phải là thật nghĩa. Việc chỉ ra vô minh cũng như thế.

Lấy nghĩa như thật mà nói, trong cái nhân của tự tánh nơi trí không hai sẽ có rất nhiều thứ. Nếu ở đây nhất định cho tướng thế tục là có tánh, thì điều đó không thể nói, vì ở trong mọi việc làm, đều có hai tướng, mà thật trí thì không hai.

- Hỏi: Như trước đã nói: Trí tức là Minh, thế tục tức là Vô minh, nói như vậy há chẳng phải tự lời nó đã trái nhau? - Vì tự tánh của Minh, khác xa với tánh có của thế tục? Đáp: Cái tướng không hai của Minh tức là tánh của Thắng nghĩa để. Nói như thế thì chánh lý được thành tựu, đó là cái muốn lãnh thọ của thế tục. Tiên nhân, Cổ đức xưa trong cách nói này cũng có nghĩa khác, như các chỗ khác đã nói, ở đây không kể lạ. Trong đó như phần chánh lý tiếp sau.

Tụng nói: “Tánh, không tánh trái hết thấy”. Nói đẳng (v.v..) tức là nghĩa bao gồm tụ họp, chẳng phải chỉ như trước đã nói chánh lý. Trí lìa phân biệt đối trị các tán loạn, đây là tánh và không tánh trái nhau. Nên biết, nó cũng được quyết định để đối trị. Nghĩa là trí lìa phân biệt tự tánh vô tánh, như đã có các loại tánh v.v... tức là đối trị. Phải biết ở đây hoặc là tánh, là tướng thì nhờ Trí lực đều có thể hiển bày được nghĩa đúng. Nghĩa là thế nào? Tức là trong Thắng nghĩa để, không hề có các Sắc là một tánh v.v. .. sinh ra, hoặc lại không có gì là quyết định thấy nhiều loại tánh. Nói: “Định” nghĩa là quyết định. Tức là một tánh quyết định, nhờ sức sáng suốt, nên mới nói như thế. Vì sao ở đây lại nói như vậy? Cho nên Tụng nói:

Nói sắc, chỉ là tên,

*Chơn thật không tự tánh,
Phân biệt tự tánh ấy,
Mọi nhân liền phải ngăn.*

Nói: “Chỉ là tên gọi” v.v... tức là trong Bát-nhã Ba-la-mật đa ấy, đức Thế Tôn nói Sắc này chỉ là tên gọi. Chỉ là tên gọi, tức chỉ có ý tưởng, thế nên trong Thắng nghĩa đế chơn thật, có chỗ cho sự an lập. Nhưng tướng của sắc uẩn là không tự tánh của nó, là không, nghĩa do nguyên nhân như thế, mà liền phân biệt tự tánh. Đối với mọi phân biệt đã chấp nhận này cho là tự tánh của quả cảnh của những tánh kiên cường v.v... Thế nên sự phân biệt đó có hiện tượng gia tăng mới khởi lên phân biệt tự tánh. Như vậy, vì phân biệt, chấp nhận lãnh thọ nhiều thứ, cho nên đều phải ngăn trừ”. “Ngăn”, tức là ngăn trừ, dẹp bỏ. Như thế là ý nói: Điều phải ngăn trừ dẹp bỏ phân biệt tự tánh tán loạn. Đây là trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa bản mẫu, vì các nghĩa trước mà ngăn trừ các lỗi lầm. Cho nên, Tụng nói:

*Sắc và tự tánh Sắc,
“Không” như trước đã nói,
Tự tánh câu tướng kia,
Phân biệt, nên trừ bỏ.*

Nói: “Như trước đã nói” v.v... “Nói” nghĩa là nói năng, nghĩa là như trước đã có. Vậy những điều đã nói đó là gì? Lời tụng đầu có nói: Sắc và tự tánh của sắc là không. Nói như vậy là để ngăn trừ phân biệt câu tướng (cả hai tướng cùng có), tự tánh. Chữ Sắc nói trước, đó là hai tướng : Cộng tướng và tự tướng của Sắc. Tự tướng cộng tướng này và tự tánh của sắc, tất cả đều là không. Còn đối với câu tướng của đại chủng v.v... trong đó dấy lên phân biệt tướng tăng thêm, nên sự phân biệt tự tánh và câu tướng cần phải được đối trị.

Hỏi: Ở đây, cùng với sự ngăn trừ thứ ba về phân biệt câu tướng thì hành tướng nó ra sao? Đáp: Trước đây nói phân biệt câu tướng tán loạn là nói sắc và tự tánh của sắc, cả hai thứ đều cùng có. Trong đây “ngăn trừ câu tướng” là chỉ ngăn tự tướng và cộng tướng của sắc. Hành tướng đó thế nào? Đó là nói tướng của tánh kiên cường v.v... khác nhau mà có, là nói vì phân biệt câu tướng trong đây, cho nên đây ngăn trừ. Đây không phải chỉ ngăn trừ sự phân biệt đó thôi, mà các phân biệt tán loạn khác cũng ngăn trừ nữa. Lại nữa, Tụng nói:

*Chẳng sanh và chẳng diệt,
Có được quán các pháp,
Phật nói nếu tán khác,*

Do phân biệt sai khác.

Nói: “Không sanh” v.v... là như trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, Đức Thế Tôn nói: Quán các pháp chẳng sinh, cũng chẳng diệt; Nếu như có an trú ở tán loạn sai khác, thì đó là do có sự phân biệt sai khác. Nếu thấy sắc v.v... có các tướng sinh diệt sai khác, thì đó là sự phân biệt sai khác về tự tánh của các sắc, ở đây, việc đó cần phải xa lìa. Tức là cần phải xua tan sự phân biệt sai khác tán loạn. Đây ý nói như vậy. Cũng cần phải xua tan những tán loạn sau. Cho nên, Tụng nói:

*Danh ngôn v.v... đều giả dối,
Pháp ấy, nếu phân biệt,
Tiếng và nghĩa chẳng hợp,
Chẳng phải ý tự tánh.*

Nói giả dối v.v... tức trong giáo nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật đa bản mẫu, đã biểu thị sự hòa hợp. Nghĩa là tên gọi giả dối, tức do tưởng phân biệt mà nói như ở phần sau của giáo nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật đa, bản mẫu đã từng hòa hợp phân biệt ra từng thứ từng thứ pháp như thế. Tiếng của phân biệt này vốn có ngữ ngôn, pháp, cú, nghĩa v.v... là phân biệt câu tướng. Thế nên, tiếng và nghĩa hai thứ chẳng có tự tánh hòa hợp, và cũng chẳng phải là ý vui cao tột của Thế Tôn, cũng không phải là ý vui của kẻ khác, hoặc phân biệt khéo léo tạo ra. Vả lại đối với nghĩa ở ngoài, mà chấp trước thì tức là những kẻ phàm ngu đã lập ra các loạn động, các sở hành như thế, thật ra chẳng có một chút nghĩa nào có thể có. Vì chấp trước nghĩa ở ngoài, không phải nghĩa của ngữ đã an lập, nên chỉ bày cho các kẻ phàm ngu cái cửa của loạn động. Ở đây là ngăn trừ mọi sở hành tùy chuyển của tướng ấy, Tức là đối với thanh (tiếng) và nghĩa, thì không có một chút gì có thể có được. Vì như thế, giống như phân biệt tên gọi, là chẳng thật có. Nếu đã đối với sự tướng đã nói giống như phân biệt tên gọi, thì, thì tức chẳng phải do ý vui thích nói ra. Do nguyên nhân đó, nên tất cả trong đây (Bát nhã...) như tên gọi, như tưởng phân biệt hòa hợp mà chẳng thật có. Mọi sự tướng Bát nhã đã nói, không phải do Ý tối thượng thì thắng vui thích của đức Thế Tôn tạo ra. Vì sao thế? Và nếu phân biệt nghĩa như tên gọi tức ở danh nghĩa có chỗ tăng rộng, thì trong các sự ở ngoài đó là không có năng thuyết, sở thuyết thật sự. Như vậy là ngăn trừ các phân biệt tán loạn ở nghĩa như tên gọi.

Hỏi: Những gì là phân biệt? Đáp: Tức là phân biệt tên gọi thì tên gọi đó cũng lại chẳng thể nêu dẫn thế nên tụng nói:

Bát-nhã Ba-la-mật,

*Phật Bồ-tát cũng thế,
Đó chỉ là tên gọi,
Phân biệt, lia thật nghĩa.*

Nói : Bát-nhã Ba-la-mật đa v.v... ấy là nói tên gọi tách rời nghĩa. Như thế, thật nghĩa của tên gọi là có phân biệt tự tánh. Vì là ngôn thuyết của đức Thế Tôn nên đây phải ngăn chấp. Nói những gì? Tụng nói: “Bát-nhã Ba-la-mật. Phật Bồ-tát cũng thế”. Đây chỉ có cái tên Bát-nhã Ba-la-mật đa thôi, có chỗ nào nói tự tánh có thật? Ấy là do Như Lai nói thế, ngay như trong tiếng của tên gọi, cũng không có tự tánh. Trong đây vốn biểu thị riêng biệt, về tên của Phật và Bồ-tát, nên biết, là đối với trí không hai, không phải ở đây ngăn chấp. Đây là do nhân gì? Thế nên Tụng nói:

*Ngăn tiếng-nghĩa vốn có
Đây chẳng ngăn trừ sự,
Chỗ khác, cũng biết vậy (như vậy)
Nghĩa quyết định trong ngữ.*

Nói: “Vốn có v.v...” nghĩa là vốn có hai loại: tiếng và nghĩa. Đây nói ngăn trừ chấp hai thứ này.

Tụng nói: “Đây chẳng phải ngăn trừ sự”; nghĩa là, đối với trí không hai, thì không ngăn trừ sự tương tác dụng. Tuy nhiên tánh của vô ngôn kia là chẳng thể nói được. Hỏi: Nay đã nói nghĩa này là đúng chánh lý, còn các chỗ khác thì sao? Tụng đã tự đáp: “Chỗ khác cũng biết như thế. Nghĩa là, tất cả các điều đã nói từ xưa, nghĩa đã quyết định như thế. “Chỗ khác” nghĩa là trong các lời nói khác. Cũng biết vậy, tức là hiểu biết nghĩa đã quyết định ấy. Ý ở đây là trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này, là như thật mà nói các nghĩa không điên đảo, thành tựu. Chân thật, biết rõ tánh của tất cả các tên gọi, thật ra chẳng thể có được (bất khả đắc). Vì nghĩa của ngữ này mà thiết lập chỉ bày ra. Lại nữa. Tụng nói:

*Đúng là không có được (vô sở đắc)
Thật biết tất cả tên,
Tánh như nghĩa là thế,
Chẳng ngăn trừ tiếng ấy.*

Nói: “Không có được”. Nghĩa là cái tánh của như nghĩa không có gì cả, thì không thể có được (bất khả được). Đây nói “đúng” là có nghĩa gì? Tụng tự chỉ: Tất cả tên. Hỏi: Người nào có thể thật biết. Đáp: Nhất Thiết Trí. “Thật”, là nghĩa chẳng điên đảo. Biết, tức là hiểu biết. Nghĩa là biết được pháp chơn thật.

Tụng nói: “Chẳng ngăn trừ tiếng ấy”. Nghĩa là hai thứ: Tiếng và nghĩa, nếu nói đó là tánh thật nghĩa thì không hề có được.

Vì lý do đó, nên chẳng ngăn trừ tiếng ấy. Nghĩa là tiếng do Văn tuệ đã giữ lấy, không nên ngăn trừ. Như thế, nên biết ý thù thắng ưa thích, xót thương, đã quyết định các việc làm, thì không có chướng ngại ngăn trở. Như vậy, là ngăn trừ phân biệt tán loạn ở danh như nghĩa. Như thế là đã trình bày xong các nghĩa và ý ưa thích chân thật. Như thuận theo có bài Tụng của Luận rằng:

*Tất cả tên gọi xưa nay có
Mỗi mỗi các pháp có nói gì
Nhưng điều đã nói chẳng thật có,
Vì tất cả pháp đồng pháp tánh,
Hết thấy tên gọi, danh tánh không,
Tên có thể gọi, không hề có.
Mà tất cả pháp vốn không tên,
Lập vì cương gọi để biểu thị*

Tất cả chỉ có tên, nên biết:

*Hết thấy trong tưởng, mượn an lập
Tụ họp thành tên, tánh khác nhau,
Nên biết tên gọi, chẳng hề có.*

Như Tôn giả Tu Bồ Đề đã hỏi: Trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, có quyết định ngăn trừ hai thứ: Tiếng nói và nghĩa lý không? Có tụng giải thích:

*Tu Bồ Đề hai lìa,
Tiếng và nghĩa như thế,
Bồ-tát chẳng có tên,
Đây nói có “ngã kiến”.*

Nói: Tu Bồ Đề v.v... Là nói thầy Tu Bồ Đề, đã hiểu biết hai thứ: Tiếng và nghĩa, nên lìa bỏ sự an lập của nó. Ý ở đây là: “Tiếng” là tiếng của người nói, còn “nghĩa” là ý nghĩa của lời được nói ra. Vì sao gọi là Bồ-tát chẳng có tên? Là vì tên của Bồ-tát không hề có và chẳng thấy được.

Thầy Tu Bồ Đề đã ở trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, mới nói lên được các điều ấy. Ý ở đây là: Phải quyết định phân biệt hai thứ: Tiếng và nghĩa, trong ý niệm thù thắng ưa thích là lìa bỏ tánh sai khác của các tiếng nói giả dối. Trong đó quyết định lời nói hướng đến biểu thị nghĩa. Cho nên Tụng nói:

Bát-nhã Ba-la-mật,

*Ngữ không quyết định sinh,
Chỉ Bậc Trí tìm xét,
Được nghĩa Huệ vi diệu.*

Nói: “Bát-nhã Ba-la-mật v.v... thì “không”, tức là không hề có gì. Tức là trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, thì lời nói hòa hợp ấy nhất quyết là không hề có, không có chỗ nói năng, cũng không có hí luận... nên biết như thế. Tất cả lời lẽ trong các điều đã nói, quyết định hướng đến nghĩa. Thế nào là hướng đến nghĩa ? Là như các nghĩa đã nói ở trước, nó dùng để giải thích các pháp môn.

Tụng nói: “Chỉ bậc trí tìm xét. Được nghĩa Huệ vi diệu” “Tìm xét”, tức là suy tìm, xem xét một cách tinh tế, kỹ lưỡng các nghĩa đó. Tức là cả ba mươi hai phẩm, trong đó có những tiếng nào, đều gồm những lời nói nhất định chắc chắn.

Tụng nói: Trí đó tức là trí, của những người có trí sáng suốt, có thể hiểu biết ý nghĩa các lời nói. “Huệ Vi diệu”, tức là các trí thanh tịnh vi diệu rất ráo tột cùng.

Hành tướng của nó thế nào? Tức là trí này ở trong mọi cảnh giới đều không chấp trước và không bị hư hoại. Mà Bát-nhã Ba-la-mật đa, này như trong âm vang được nghe nhận thôi. Để biểu thị nghĩa này, Tụng nói:

*Nếu phân biệt nghĩa riêng,
Nghĩa nối nhau nên trừ,
Bát-nhã Ba-la-mật,
Lời đó như tiếng vang.*

Nói về nghĩa nối tiếp nhau, tức nói đến các nghĩa lý, của sự tạo tác trong quá khứ hay ở hiện tại. “Trừ khiển”, nghĩa là lia bỏ, là đối với các nghĩa như thế, phải lia bỏ, đừng nên chấp trước. Vì sao thế? Vì trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, có những điều hoặc thấy, hoặc nghe, đều nói đó chỉ như là tiếng vang. Hoặc giả cũng như ánh sáng của vàng đối với các vật chung quanh, chiếu ra nhiều màu sắc. Vì ý nghĩa đó, nên có những sự việc được tạo ra nối tiếp nhau, từ quá khứ hay hiện nay, mà đã có sự phân biệt, có sự chấp trước thì đều phải trừ bỏ. Do đó đối với pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, tất cả những điều đã nói đều như là tiếng vang cả. Đây là nghĩa tóm lược.

Và cũng vì muốn trình bày cho sáng tỏ nghĩa này, nên có tụng:

*Hết thấy giáo pháp chớ chán bỏ,
Cũng chẳng nên sanh tâm chê bai,
Thấy như thật rồi, trụ chơn thật,*

Vì chơn thật đó mà nói rõ.

Nay đã tóm tắt các nghĩa ấy và đã trình bày rõ ràng. Tụng nói:

Tóm lược nghĩa như thế,

Chỗ nương như Bát-nhã v.v...

Như thế nghĩa xoay vòng,

Lại nương vào nghĩa riêng.

Nói: “Tóm lược như thế v.v...” nghĩa là mười vạn bài tụng Bát-nhã Ba-la-mật đa, nay tóm lược tất cả nghĩa lý như thế, đều nương dựa vào pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này mà liên tục tóm lược, bao gồm cả ba mươi hai phẩm. Nên biết như thế, sau này không còn chỗ nào để tăng thêm cho rộng được nữa.

Tụng nói: “Như thế nghĩa xoay vòng”. Nghĩa là đối với nghĩa lý như thế, cứ một mực, nhiều lần suy đi, xét lại, thật là kỹ lưỡng.

Hỏi: Nghiên cứu kỹ lưỡng những nghĩa gì?

Tụng đã tự đáp: “Nương vào nghĩa riêng”, tức những điều đã nói, trong đó có những lời lẽ gì có ý nghĩa riêng biệt thì phải hỏi han, tìm hiểu nghĩa riêng ấy. “Hỏi”, tức là phân biệt tìm hiểu những chỗ khác nhau. Còn hỏi vạn để tìm chỗ y cứ nghĩa là đối với quả Bồ đề, đối với các giáo pháp Phật, với các công đức v.v... ở trong các pháp, cứ như thế mà nhiều lần xoay vòng nghiên cứu, tìm hiểu thật cẩn thận. Tóm lược như vậy là nói lên những lý nghĩa, đặc biệt của nó. Và để có chỗ y cứ, thì trong ba mươi hai phẩm, có những tự tánh riêng biệt nào, thì nhất nhạnh thâm gom xoay quanh cái nghĩa đó.

Nay, việc giải thích tám ngàn bài tụng của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, thì tất cả mọi lời văn, câu chữ; mọi nghĩa lý, đều đã giải thích đầy đủ, trọn vẹn; nếu sinh ra được các phước đức rất ráo rộng lớn, thì tất cả đều xin hồi hướng. Cho nên tụng nói:

Bát-nhã Ba-la-mật,

Chính thâm tám ngàn tụng,

Nếu được tỳ phước đức,

Đều do Bát-nhã sinh.

Ý ở đây nói, Bát-nhã Ba-la-mật đa chính là gồm thâm cả tám ngàn bài tụng. Nghĩa là tám ngàn bài tụng này, ở trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa đã nói về tự tánh. Tám ngàn, đây là số lượng bao gồm hết, như thế là các nghĩa lý, tóm tắt trong số lượng trên, đã được giải thích đầy đủ, xong xuôi. Tụng nói: “chính”, tức là không có điên đảo. Vậy giáo pháp chơn chánh ấy, sinh ra những gì?

Tụng tự đáp: “Kia được tỳ phước đức” - “Được” là nhận được, có

được. Tức là tụ phước đức thanh tịnh được tạo nên, đều do pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này sinh ra. Vì do Bát-nhã Ba-la-mật đa sinh ra, nên tụ phước ấy vô cùng sâu xa rộng lớn. Nay đem phước đức sâu rộng đã có được, hồi hướng cho tất cả thế gian, mong cho tất cả, đều chứng được Trí tuệ Bát-nhã Ba-la-mật đa thanh tịnh-vi diệu-rất rạo nhất. Và đối với các câu văn, nghĩa lý, thuộc Đệ nhất nghĩa đế không giả dối ấy, cứ đúng theo chánh lý, mà suy tư tìm xét.

Tôi viết lời văn giải thích này, nay xin bày tỏ ý riêng: Nếu có được phước đức gì, nguyện xin hồi hướng mong khắp cả thế gian đều được thanh tịnh. Tụng rằng:

Các Bí Số - con Phật Thích Ca,

*Có được bao nhiêu phước báu đâu, Nay xin tâm
nguyện lợi nhân gian, Nhờ phước báu này trụ chơn
thật.*

